TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/DS-ST
Ngày 27/11/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Thương.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST-DS ngày 27/8/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-DS ngày 26/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 47 /2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu dân cư số 2, tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai N là chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; theo giấy ủy quyền ngày 31/8/2018; bà N vắng mặt; chị T, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (H).

Địa chỉ: Đội 4, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018 của bà Nguyễn Thị Mai N và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mai N và Bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác là H) quen biết nhau thông qua bạn bè, nên vào ngày 19/6/2017 (Âm lịch) bà T (Hạnh)

có mượn của bà N số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), theo thỏa thuận hàng tháng bà T(H) chuyển trả lãi cho bà N; bà T (H) đã chuyển trả lãi cho bà N được 03 tháng, với mức lãi suất 4%/tháng thành tiền là 8.400.000 đồng, nhưng sau đó bà T (H) không trả lãi cho bà N nữa, nhiều lần bà N đến đòi nợ cả tiền gốc và lãi nhưng bà T (H) cố tình không trả nợ cho bà N.

Nay bà Nguyễn Thị Mai N yêu cầu bà Nguyễn Thị T (H) phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ tháng 10/2017 (âm lịch) đến nay với lãi suất 1%/tháng. Cụ thể, bà T (H) phải trả cho bà N với tổng số tiền là 78.610.000 đồng (bảy mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và 8.610.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/10/2017 âm lịch (18/11/2017 dương lịch) đến ngày xét xử 27/11/2018 với lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (H) không nộp văn bản trình bày cho Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà T (H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị T (H) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T (H) phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai N với số tiền là 78.610.000 đồng (bảy mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và 8.610.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/10/2017 âm lịch (18/11/2017 dương lịch) đến ngày xét xử 27/11/2018 với lãi suất 1%/tháng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong giai đoạn xét xử bà N đã cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền của bà Nguyễn Thị T (H) đề ngày 19/6/2017 (Âm lịch).

[2.1] *Đối với tiền nợ gốc là 70.000..000 đồng:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bà T (H) không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu

cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận; do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị T (H) phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai N với số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

[2.2] *Về tiền lãi:* Việc bà N yêu cầu bà T (H) phải trả tiền lãi với lãi suất 1%/ tháng là không vượt quá so với lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:*"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…"*, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về mức tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Mai N. Tuy nhiên, trước đó bà N đã nhận tiền lãi của 03 tháng, với lãi suất 4%/ tháng số tiền lãi 8.400.000 đồng là vượt so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích, nên chị T đồng ý tính lại lãi suất 03 tháng của 70.000.000 đồng tiền gốc với lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 3.486.000 đồng. Như vậy số tiền lãi bà N đã nhận của bà T (H) chênh lệch thừa là 4.914.000 đồng.

Do đó, bà T (H) phải trả tiền lãi cho bà N tính từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử ngày 27/11/2018 là: (70.000.000đ x 1%/tháng x 12 tháng 09 ngày) = 8.610.000 đồng (tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng); nhưng được trừ số tiền lãi bà N đã nhận trước là 4.914.000 đồng, bà T (H) còn phải trả tiền lãi cho bà N là 3.696.000 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Như vậy, bà Nguyễn Thị T (H) phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai N tổng cộng với số tiền là 73.696.000 đồng (bảy mươi ba triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và 3.696.000 đồng tiền lãi.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Nguyễn Thị Mai N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà N là phù hợp với quy định của pháp luật.
- Bà Nguyễn Thị T (H) phải chịu 3.684.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (73.696.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[4] *Kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T (H) về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T (H) phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai N số tiền 73.696.000 đồng (bảy mươi ba triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi 3.696.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử 27/11/2018 với lãi suất 1%/tháng, đã trừ số tiền lãi chênh lệch thừa 4.914.000 đồng).

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T (H) phải chịu 3.684.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mai N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mai N số tiền 1.890.000 đồng (một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002956 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về quyền kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thi T (H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Hoàng